

Bản án số: 58/2022/DS - PT

Ngày: 10/8/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quý Sửu

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế, bà Nguyễn Minh Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thuý Linh Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Lê Thị Hương Giang, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2022/DS-PT ngày 01/4/2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 16/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐ-PT ngày 04/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Hồng T, sinh năm 1972, có mặt

Địa chỉ: Tổ 18, phường HVT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: 1. Bà Trần Thị Tố N, sinh năm 1965, có mặt

2. Ông Chu Hồng T1, sinh năm 1962, vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 6, phường TL, TP. TN, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Hồng T khởi kiện vợ chồng bà Trần Thị Tố N, ông Chu Hồng T1 yêu cầu bà N, ông T1 trả khoản tiền vay gốc 1.350.000.000 đồng, không yêu cầu bà N ông T1 trả khoản tiền lãi.

Ông Lê Hồng T cung cấp tài liệu chứng cứ là bản gốc giấy vay tiền đề ngày 25/7/2020, nội dung: Bà Trần Thị Tố N có chồng là ông Chu Hồng T1 vay của ông Lê Hồng T số tiền 1.050.000 đồng vào ngày 05/5/2018, 250.000.000 đồng vào ngày 30/8/2018 và số tiền bảo hiểm 50.000.000 đồng, tổng cộng là 1.350.000.000 đồng. Thời hạn trả tiền khi bán được nhà hoặc sau 12 tháng sẽ trả

cho ông T. Phần cuối giấy vay tiền có chữ ký và chữ viết Trần Thị Tố N, Chu Hồng T1.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T1, bà N, tuy nhiên ông T1, bà N từ chối không nhận văn bản tố tụng của Tòa án, không hợp tác, nên chưa xác định được ý kiến của bà N, ông T1 về yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại bản án sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 16/02/2022 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hồng T đối với bị đơn bà Trần Thị Tố N và ông Chu Hồng T1.

Buộc bà Trần Thị Tố N và ông Chu Hồng T1 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Hồng T số tiền nợ gốc 1.350.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi T1 đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 14/3/2022, bị đơn bà Trần Thị Tố N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cụ thể bà N cho rằng ông Chu Hồng T1 chồng bà có được ký vào giấy vay tiền nhưng không biết về khoản tiền bà vay của ông T; Ngày 11/01/2022 bà có nhận được điện thoại của Thẩm phán báo xét xử nhưng con trai bà đang phải mổ cấp cứu tại Viện 108 Hà Nội là có lý do chính đáng, nhưng Tòa án vẫn xét xử vắng mặt bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bà Trần Thị Tố N giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bà N xác định có vay số tiền 1.350.000.000 đồng như ông T trình bày là đúng, ông T1 là chồng bà có ký vào giấy vay tiền, nhưng ông T1 không biết, không sử dụng số tiền vay này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng tố tụng. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Tố N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện VKS phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Tố N, kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm hợp lệ được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung kháng cáo của bà Trần Thị Tố N thấy:

[2.1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy T1 tập, Thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cho bà N, ông T1 nhưng bà N ông T1 từ chối không nhận, không hợp tác và vắng mặt. Tòa án cấp sơ thẩm đã lập biên bản về việc từ chối không

nhận văn bản tố tụng có xác nhận của tổ dân phố và UBND phường TL, thành phố Thái Nguyên là đúng quy định tại khoản 4 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 22/12/2021 Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên đã đến nhà bà N, ông T1 để giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy T1 tập phiên toà, nhưng ông T1 bà N không có mặt. Toà án đã giao văn bản tố tụng nêu trên cho anh Chu Huy Hoàng là con trai bà N, ông T1 sống cùng địa chỉ là đúng quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự.

Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên tiếp tục tổng đạt Quyết định hoãn phiên toà và giấy T1 tập phiên toà để xét xử vào ngày 14/01/2022 và ngày 16/02/2022 cho bà N, ông T1, nhưng bà N, ông T1 không có mặt. Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại tổ dân phố, UBND phường TL nơi cư trú của bà N, ông T1 và tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên là đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà N kháng cáo cho rằng ngày 11/01/2022 Thẩm phán đã trực tiếp điện thoại thông báo ngày mở phiên toà khi bà đang cấp cứu cho con tại bệnh viện 108 Hà Nội nhưng Toà án vẫn xét xử vắng mặt khi bà có lý do chính đáng. Tuy nhiên, hồ sơ thể hiện Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên đã hoãn phiên toà ngày 14/01/2022, ấn định thời gian mở phiên toà vào ngày 16/02/2022 và xét xử vắng mặt bà N ông T1 là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về nội dung bà N kháng cáo cho rằng Toà án cấp sơ thẩm buộc chồng bà là ông Chu Hồng T1 phải trả khoản tiền cho ông T:

Xét thấy: Tại giấy vay tiền đề ngày 25/7/2020, nội dung: Bà Trần Thị Tố N có chồng là ông Chu Hồng T1 có vay của ông Lê Hồng T số tiền 1.050.000 đồng vào ngày 05/5/2018, 250.000.000 đồng vào ngày 30/8/2018 và số tiền bảo hiểm 50.000.000 đồng, tổng cộng là 1.350.000.000 đồng. Phần cuối giấy vay tiền có chữ ký và chữ viết Trần Thị Tố N, Chu Hồng T1.

Tại đơn kháng cáo và tại phiên toà phúc thẩm bà N đều thừa nhận ông T1 là chồng bà có ký vào giấy vay ông T số tiền 1.350.000.000 đồng. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm xác định khoản nợ nêu trên là nợ chung vợ chồng, buộc vợ chồng bà N, ông T1 có trách nhiệm trả cho ông T khoản tiền vay theo giấy vay tiền là có căn cứ.

Do vậy không có căn cứ chấp nhận các nội dung kháng cáo của bà Trần Thị Tố N .

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Tố N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 16/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Áp dụng các Điều 463, 466, 470, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hồng T đối với bị đơn bà Trần Thị Tố N và ông Chu Hồng T1.

Buộc bà Trần Thị Tố N và ông Chu Hồng T1 có trách nhiệm trả ông Lê Hồng T số tiền nợ gốc theo giấy vay tiền ngày 25/7/2020 là 1.350.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi T1 đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền chậm trả. Trường hợp không thỏa thuận được về lãi suất chậm trả thì được xác định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Tố N và ông Chu Hồng T1 phải chịu 52.500.000 đồng (Năm mươi hai T1 năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Hoàn trả ông Lê Hồng T 18.825.000 đồng (mười tám T1 tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0000567 ngày 18/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Tố N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001058 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND thành phố Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Quý Sửu